

TÔN GIÁO VIỆT NAM TRONG THẾ KỈ XVIII THEO CÁI NHÌN TỔNG HỢP CỦA GIÁO SĨ PHƯƠNG TÂY ĐƯƠNG THỜI Ở ĐÀNG NGOÀI

TRẦN VĂN TOÀN^(*)

Cách đây không lâu, tôi đã có dịp giới thiệu cuốn sách *Tam giáo chư vọng*, viết tay bằng chữ quốc ngữ Việt Nam, trong đó có nói đến cuốn *Opusculum de Sectis apud Sinenses et Tunkinenses* (Tiểu luận văn về các tôn giáo ở Trung Quốc và ở Việt Nam Đàng Ngoài) do Adriano a Sancta Thecla viết năm 1750⁽¹⁾ cũng là sách viết tay, nhưng bằng tiếng Latinh. Hai cuốn sách này được tàng trữ trong văn khố Hội Thừa sai nước ngoài tại Paris (Missions étrangères de Paris). Cả hai đều do các giáo sĩ người Ý, thuộc tu hội Thánh Augustino, làm việc truyền giáo ở Địa phận Đông Đàng Ngoài nửa đầu thế kỉ XVIII soạn thảo và cùng căn cứ vào một số tài liệu như nhau, có nội dung rất giống nhau, đồng thời đưa ra một cái nhìn tổng hợp về tôn giáo Việt Nam. Tuy hai bản có lối hành văn và xếp thứ tự khác nhau nhưng đều lĩnh hội được những sự kiện như nhau. Có thể coi đó là hai cuốn sách “sinh đôi”.

Bản tiếng Việt đáng được học giả Việt Nam chú ý, còn bản tiếng Latinh thì trước đây hơn mười năm, tôi đã ngỏ ý với linh mục quản thủ văn khố Hội Thừa sai nước ngoài tại Paris là nên tìm cách công bố cho học giả và sử gia Châu Âu biết,

nhưng linh mục cho biết là nếu in ra chính văn thì không mấy ai đọc được, cho nên phải phiên dịch ra sinh ngữ Châu Âu mới có người mua đọc. Nay nhân dịp bản dịch Anh văn được xuất bản, và vì thấy rằng dịch giả không nói tới cuốn *Tam giáo chư vọng*, tôi xin trước là giới thiệu bản dịch đó với độc giả Việt Nam, sau là đặt hai cuốn sách này trong khuôn khổ những cố gắng tìm hiểu và tổng hợp những điều sở đắc của các giáo sĩ phương Tây về tôn giáo Việt Nam trước đây gần ba thế kỉ.

1. Giới thiệu bản dịch Anh văn của Olga Dror

Đây là bản dịch Anh văn của một luận văn viết tay bằng tiếng Latinh vào giữa thế kỉ XVIII, trình bày một cách có hệ thống thế giới tôn giáo của người Việt. Ấn hành một bản dịch như thế ai cũng biết là phải tốn rất nhiều công phu.

*. GS., Trường Đại học Công giáo Lille, Cộng hoà Pháp.

1. *Opusculum de Sectis apud Sinenses et Tunkinenses* (A small Treatise on the Sects among the Chinese and Tonkinese): A Study of Religion in China and North Vietnam in the Eighteenth Century. Tác giả Adriano a Sancta Thecla, do **Olga Dror** phiên dịch từ tiếng Latinh và chú giải bằng Anh ngữ, với sự cộng tác của Mariya Berezovska, và Bài Tựa của Lionel M. Jensen. Cornell University. Ithaca. New York 2002. 239 trang và 115 trang ảnh chụp nguyên bản.

Đối tượng của luận văn là những cảm nghiệm, cảm tưởng, thái độ, lễ nghi tôn giáo trong một nền văn hoá phương Đông, được diễn tả ra bằng ngôn ngữ rất khác phương Tây. Khi viết ra cho người phương Tây đọc thì tác giả Adriano đã phải chuyển tất cả những điều sở kiến, những cái sở tri đó sang tiếng Latinh, là một cổ ngữ của phương Tây, cho đến ngày nay vẫn dùng làm ngôn ngữ chính thức trong các văn kiện của Giáo hội Công giáo. Ngày nay, dịch giả lại chuyển một lần nữa sang một sinh ngữ như thế cũng không phải dễ, vì tuy cùng ở trong một nền văn hoá, nhưng văn hoá phương Tây đã biến chuyển rất nhiều, nhất là trong mấy trăm năm gần đây. Mỗi lần chuyển từ văn hoá này sang văn hoá khác, thì các từ ngữ càng khó mà gọi được cho độc giả những kinh nghiệm và tư tưởng của người khác. Vì thế, công việc cần thiết, nhưng lại rất khó, là công việc chú giải.

Dịch giả Olga Dror đã làm công việc đó một cách thật chu đáo, theo đúng phương pháp và tiêu chuẩn khoa học, tỏ ra là một người vừa có công tham khảo rộng, vừa có óc tổng hợp, lại đồng thời sáng kiến ra một số giả thuyết đáng chú ý.

Viết bài này nhằm vào độc giả Việt Nam, cho nên tôi không muốn đi vào chi tiết bản dịch Anh văn, tuy nó là phần chính, vì thiết tưởng không cần lắm. Thực vậy, ai biết tiếng Latinh thì có thể đọc vào chính văn, mà không cần đọc bản dịch Anh văn, ai không biết thì cũng có thể tìm đọc sách *Tam giáo chư vọng*, và như thế dễ hiểu hơn là khi đọc ngoại ngữ, vì thường có cái nguy “tam sao thất bản”⁽²⁾.

Vậy sau đây tôi chỉ xin giới thiệu *Phần Dẫn nhập* và *Phần Chú giải* của dịch giả mà thôi.

1.1. Phần Dẫn nhập

Trước tiên, dịch giả giới thiệu tác giả là Adriano a Sancta Thecla, người Ý, sinh năm 1667. Ông đi tu trong tu hội Thánh Augustino đã được cải cách năm 1593 và đặt thêm mục đích truyền giáo. Giáo sĩ tu hội của ông tới Đàng Ngoài lần đầu tiên vào năm 1701. Còn ông thì tới đó năm 1738, làm việc truyền giáo ở Địa phận Đông Đàng Ngoài, có soạn thảo một ít sách. Ông mất năm 1765, tức là bốn năm sau khi tu hội của ông được lệnh thôi hoạt động ở Việt Nam. Dịch giả nhắc lại là tác giả đã sống tại Việt Nam vào thời Nguyễn Hữu Cầu (Tức Quận Hảo) làm loạn (1743-1751). Về lập trường của tác giả thì dịch giả cho là có điều bất nhất, vì một mặt ông nghĩ rằng các lễ nghi tế tự ở Việt Nam thường pha trộn nhiều mê tín và không phải là lối tôn giáo chính đáng, mặt khác lại cho rằng các lễ nghi đó là chép lại các lễ nghi trong Thánh kinh của đạo Thiên Chúa, nhưng chép không đúng. Lập trường này cũng không riêng gì Adriano, mà nhiều giáo sĩ khác cũng

2. Ở đây, tôi chỉ xin phép đưa ra một ví dụ để thấy rằng phiên dịch và chú giải không phải là việc dễ. Đó là việc phiên dịch và chú giải đoạn văn về lễ nghi tang chế có nhắc đến từ ngữ “sa mao”. Khi nói về tác động của người chủ sự (chủ nhân hay là trưởng nam) thì chính văn Latinh là “totum liquorum effundit, manens genuflexus, in quemdam paleac manipulum colligatum in terrâ qui dicitur samao”, nghĩa là “trong lúc vẫn còn quỳ gối, thì đổ tất cả nước (rượu) xuống một nắm rơm xếp dưới đất, cái đó (nắm rơm đó) gọi là sa mao”. Dịch giả chuyển sang Anh văn như sau: “he pours out the liquid entirely, remaining kneeling, onto a handful of straw heaped on the ground. This (ceremony) is called sa mao (to drop into capillaries)”, không có trong chính văn, vì nó làm sai ý của tác giả. Về điểm đó, trong sách *Tam giáo chư vọng* chỉ nói là: “Khi tế có xuống rằng: Giáng thần. Lại xuống rằng: Châm tửu, mà chủ nhân là trưởng nam cầm lấy một chén rượu, đổ cả xuống sa mao” (tr.81) và: “Khi có tế giáng thần châm tửu ấy là đổ rượu xuống trên sa mao (cho hồn thấy sự ấy liền giáng nơi tế ấy mà hưởng)” (tr. 85-86)...

như thế, vì tuy là đi giảng đạo mới, nhưng họ vẫn quan niệm rằng trong các đạo cũ của người bản xứ có những yếu tố sửa soạn cho đạo mới, cho Phúc Âm.

Về lai lịch cuốn *Tiểu luận văn*, dịch giả đã có ý tìm xem có bản viết tay nào khác nữa không, nhưng không thấy, cho nên có thể nhận định rằng chỉ còn một bản sao này do Giám mục Louis Néez ở Địa phận Tây Đàng Ngoài gửi về tàng trữ trong văn khố Hội Thừa sai nước ngoài tại Paris. Dịch giả nhận xét là cách viết chữ quốc ngữ dùng trong luận văn đại khái vẫn còn như thời Alexandre de Rhodes vào giữa thế kỉ XVII. Thực ra, cách viết chữ quốc ngữ đã biến đổi từ từ theo người viết, chứ không hẳn do uy tín hay quyền bính nào quyết định. Ví dụ, như ta biết, chữ quốc ngữ dùng trong sách *Thánh giáo yếu lí quốc ngữ* của Giám mục Bá Đa Lộc viết năm 1774 cũng là chữ dùng ngày nay, nhưng *Sách sổ sang chép các việc* của Philiphê Bình viết sau đó nửa thế kỉ vẫn còn viết theo lối cổ.

Về nội dung cuốn sách nói chung, dịch giả có mấy nhận xét đáng chú ý: 1. Tuy tác giả nói là tôn giáo của Trung Quốc và Việt Nam, nhưng thực ra những điều ông quan sát được, nhất là việc thờ thần, là của Việt Nam⁽³⁾; 2. Tác giả đã nói rộng khuôn khổ Tam giáo, và chia tôn giáo Việt Nam làm năm loại, mà quan trọng hơn cả là thờ thần⁽⁴⁾; 3. Tác giả xếp các loại tôn giáo theo thứ tự sau đây: Khổng giáo, đạo Thờ Thần, Đạo giáo (Lão giáo), khoa bói, xem tướng, xem ngày, và sau cùng là Phật giáo. Dịch giả cho rằng đó là thứ tự đi từ yếu tố chống đối đạo Thiên Chúa ít nhất đến yếu tố chống đối nhiều nhất (xem các trang 37-38).

Sau đó, dịch giả phân tích từng phần cuốn sách. Về Khổng giáo, có lẽ không có

gì đáng chú ý lắm. Về Đạo giáo, tác giả không nói gì đến kinh điển mà chỉ gọi chung là các thầy phù thủy, nhưng cũng nói đến việc thờ 12 hành khiển cai trị mỗi năm trong chu kì 12 năm. Về việc Thờ Thần, tác giả đưa ra khá nhiều điều quan sát được trong các lễ hội, từ cấp làng xã như thành hoàng, cho tới những lễ hội do chính quyền tổ chức, như lễ tế kì đạo, rồi các thứ thần như vua Bạch Mã, Liễu Hạnh công chúa, v.v... Về phần lí thuyết Phật giáo, các tác giả hình như chỉ hạn chế vào hai cuốn sách tham khảo là *Tâm Đẳng* và *Bí Chi* (cuốn này không tìm ra được), nhưng lại đưa ra nhiều điều cụ thể quan sát được trong dân gian, như lễ nghi về tang chế, đốt vàng mã, lên cây nêu, lễ phá ngục (địa ngục), v.v...

Dịch giả còn bàn rộng về những chữ “tôn giáo”, “tín ngưỡng” (xem các trang 64-65).

Tiếp đó là bản dịch Anh văn (tr. 71-229).

1.2. Phần Chú giải

Phần Chú giải rất quan trọng, không những vì bản dịch Anh văn là kết quả của hai lần chuyển dịch văn hoá, mà còn vì những chi tiết khó hiểu vừa nhiều về số lượng vừa nhiều về thể loại. Thực vậy, trong *Tiểu luận văn* tác giả đã nhắc đến khá nhiều thần thánh, nhiều nhân vật, nhiều sự việc.

3. Người Việt có chịu ảnh hưởng của văn hoá Trung Quốc (ta biết là kinh điển của Tam giáo đều viết bằng chữ Hán) trong hơn 10 thế kỉ, nhưng xem ra cũng không để ý phát triển thêm vào tư tưởng Trung Quốc. Đó là cảm tưởng của giáo sĩ Cadière khi nói về triết học bình dân Việt Nam. Dịch giả cũng có quan niệm tương tự (Xem trang 69).

4. Tác giả viết 36 trang về việc thờ thần, 19 trang về Khổng giáo, 12 trang về Đạo giáo và 24 trang về Phật giáo; còn về bói khoa, xem tướng... thì còn đang viết dở. Giáo sĩ Cadière cũng quan niệm rằng tôn giáo đặc biệt Việt Nam là thờ thần, còn Tam giáo có kinh điển (bằng chữ Hán) là lớp son bên ngoài.

Khi trưng dẫn sách vở thì tác giả thường không chỉ rõ xuất xứ, hơn nữa khi đưa ra những câu sách chữ Hán, ông lại viết ra bằng chữ quốc ngữ theo kiểu đọc Hán Việt, cho nên khó tìm ra chính văn chữ Hán. Nhưng những câu đó thường được ông dịch ngay ra tiếng Latinh⁽⁵⁾. Dịch giả đã có công tìm ra hầu hết xuất xứ của những đoạn văn đó. Công đó không phải là nhỏ, vì phải tham khảo sách vở trong nhiều văn khố.

Để biết cho đích xác, dịch giả đã đi tới nơi ở của tác giả ở nước Ý để hiểu về thân thế và môi trường làm việc của tác giả, còn ở Việt Nam thì đi đến những địa phương có đền chùa, có di tích liên quan đến những vị được nhắc tới.

Vì thế, dịch giả chú giải thật nhiều, làm cho độc giả, dù không am tường về văn hoá Việt Nam, cũng lĩnh hội được những điều trình bày trong *Tiểu luận văn*. Đến đây, tôi muốn nói thêm một điều quan trọng: Những chú giải đó của dịch giả cũng rất hữu ích cho người đọc cuốn *Tam giáo chư vọng* bằng tiếng Việt.

Để nói lên tính cách nghiêm túc của dịch giả, tôi xin đơn cử ra đây lời chú giải một câu Hán Việt được trưng dẫn ngay ở Phần Dẫn nhập của *Tiểu luận văn* (trang VI). Câu đó như sau: “Rex Chu Cao Tổ, qui regnavit, imperante familia Trần, de quo historia” = Sách sử nói về vua Chu Cao Tổ, trị vì trong khi nhà Trần làm hoàng đế, như sau: “Chu Cao Tổ định Tam giáo tiên hậu, dĩ Nho vi tiên, Đạo vi thứ, Thích vi hậu”⁽⁶⁾. Tôi trộm nghĩ: nếu không nhớ rằng trong mấy câu trước đó Adriano đang nói về Trung Quốc, thì độc giả Việt Nam đọc câu đó bằng tiếng Việt ở đây hay là trong *Tam giáo chư vọng* sẽ không khỏi lúng túng, vì vào thời nhà Trần nước ta, tức là vào thời nhà Tống,

nhà Nguyên và nhà Minh bên Trung Quốc, thì không thấy ở đâu có vua Chu Cao Tổ cả. Dịch giả cho ta biết là vào thời Nam Bắc Triều ở Trung Quốc (420-589), thì nhà Trần (557-589) ở miền Nam, nhà Chu (557-589) ở miền Bắc. Và theo như Bắc sử thì năm Kiến Đức (Jiande) thứ hai (573), Chu Vũ Đế, tức Chu Cao Tổ Vũ Hoàng Đế (Zhou Gaozu Wu Huangdi, 561-578), đã triệu tập các học giả theo nhiều môn phái, và phân định đẳng cấp giữa các tôn giáo, như đã nói trong câu trưng dẫn trên đây.

Về câu nói đó chỉ xin đưa ra hai nhận xét về hai chi tiết không quan trọng: 1. Bản tiếng Latinh nói Chu Cao Tổ là vua (rex) chứ không nói là hoàng đế trị vì (regnavit) trong khi nhà Trần làm hoàng đế (imperante); 2. Câu trưng dẫn của Bắc sử, khi nói đến thứ tự trước sau thì viết chữ “tiên hậu”, chứ không viết chữ “tiên hậu” như trong *Tiểu luận văn* và trong *Tam giáo chư vọng*.

Về phần cuối, dịch giả cho in bảng thứ nhất đối chiếu cách viết Hán Việt với cách viết “pinyin” (phanh âm) các chữ Hán dùng trong sách và giải nghĩa bằng tiếng Anh (trang 230-235); bảng thứ hai đối chiếu cách viết chữ quốc ngữ ngày xưa và ngày nay (trang 326-327); bảng thứ ba đối chiếu cách phiên âm chữ Hán dùng trong sách với cách phiên âm “pinyin” ngày nay (trang 238-239). Và sau cùng thì in ảnh chụp 115 trang nguyên bản cuốn *Tiểu luận văn* bằng tiếng Latinh.

5. Các đoạn văn Hán Việt được trưng dẫn ở đây, hầu hết cũng được lấy lại trong sách *Tam giáo chư vọng* và được dịch ra chữ quốc ngữ.

6. Trong lời Tựa văn tắt của sách *Tam giáo chư vọng* thì câu đó hơi khác: “Đời nhà Trần vua Chu Cao Tổ định Tam giáo chi tiên hậu, dĩ Nho vi tiên, Đạo vi thứ, Thích vi hậu”.

2. Cái nhìn tổng hợp của giáo sĩ phương Tây về tôn giáo Việt Nam trong thế kỉ XVIII

2.1. Nhận xét chung

Trong ba bốn thế kỉ trước đây, hầu hết những điều người Châu Âu biết được về văn hoá các dân tộc ngoài Châu Âu đều do các giáo sĩ đạo Thiên Chúa cho biết cả. Họ đi giảng đạo, chia sẻ niềm tin với các dân tộc xa lạ, cho nên công việc trước tiên là học ngôn ngữ, tư tưởng, phong tục tập quán của các dân tộc đó, để có thể nói cho người ta nghe và hiểu được. Như vậy, truyền giáo bao giờ cũng đi kèm với những kiến thức về dân tộc học, về văn hoá học và nhất là về tôn giáo.

Sử Việt Nam nói năm 1533, một giáo sĩ người Âu, tên là Inikhu (chắc là Inigo) đến mấy làng ở ven biển miền Bắc nước ta, không biết rõ vị đó là người nước nào và thuộc về tu hội nào. Sau đó, một vài vị khác cũng đến giảng đạo và đã có một số người bản xứ theo đạo, kể cả trong gia đình chúa Trịnh. Nhưng công việc còn thiếu liên tục và thiếu nhiều điều kiện, cho nên vết tích để lại không còn là bao.

Đến thế kỉ XVII, số giáo sĩ có tăng lên ít nhiều. Họ lại thường là người cùng một quê hương hay cùng một tu hội, cho nên công việc truyền giáo dễ tổ chức hơn và có tính cách liên tục hơn. Theo đó, những điều sở đắc về ngôn ngữ, lịch sử, văn hoá và tôn giáo Việt Nam cũng tăng lên nhiều. Tuy vậy, những yếu tố dân tộc học đó thường được đề cập chung với nhau, chứ chưa tách rời ra từng bộ môn.

Trong giai đoạn đầu tiên, họ thâu lượm tất cả những điều mắt thấy tai nghe, những điều linh hội được trong sách vở của Việt Nam và của Trung Quốc, và xếp thành ba loại: những điều mà người Âu không quen thì họ cho là “lạ

đời” (curieux), những điều phù hợp với tôn giáo của họ thì họ coi “có tính cách xây dựng” (édifiants), còn những điều đi ngược lại niềm tin của họ thì họ cho là mê tín (superstitieux). Viết tới đây, tôi nghĩ ngay đến tập san *Lettres édifiantes et curieuses* (Thư viết về những điều có tính cách xây dựng và những việc lạ đời) do các giáo sĩ dòng Tên⁽⁷⁾ cho xuất bản thành 31 tập, từ năm 1717 đến năm 1774, rồi đình bản, vì tu hội bị một số vua chúa Châu Âu cấm và xúi giục Giáo tông toà Roma cấm từ năm 1773 cho đến năm 1814 lại cho phép hoạt động. Sau khi dòng Tên được phục hồi những thư đó được tái bản vào năm 1819 thành bộ mới gồm 14 tập, nhưng được xếp theo từng địa phương. Trong bộ mới này, tập thứ 9 dành cho Việt Nam. Phải chờ đến thế kỉ XVIII, những điều sở đắc về tôn giáo Việt Nam mới được tách rời và được hệ thống hoá. Và đó là công trình của các giáo sĩ người Ý, thuộc tu hội Thánh Augustino.

Trong lịch sử truyền giáo tại Việt Nam, người ta thường nói đến các giáo sĩ dòng Tên, thuộc Hội Truyền giáo nước ngoài tại Paris, và thuộc tu hội Đa Minh (Dominicains) người Tây Ban Nha (Yphanho), nhưng hình như không mấy ai biết đến các giáo sĩ người Ý. Các vị này không hoạt động lâu ở Việt Nam (từ năm 1701 đến năm 1761), nhưng trong số họ có một vài người học rộng và xuất sắc. Họ là những người đầu tiên trình bày tôn giáo Việt Nam một cách có hệ thống và khá đầy đủ.

Sau đây, tôi xin trình bày: 1. Những điều sở đắc của các giáo sĩ về tôn giáo trong thế kỉ XVII; 2. Các giáo sĩ người Ý

7. “Dòng Tên” là tu hội lấy tên vị giáo tổ Giêsu (Jésus) mà gọi, tức là “Compagnie de Jésus”, hội viên gọi là “Jésuites”.

tại Việt Nam (1701-1761); 3. Cái nhìn tổng hợp về tôn giáo Việt Nam thế kỉ XVIII; và 4. Đưa ra một vài nhận xét.

2.2. Những điều sở đắc của các giáo sĩ về tôn giáo Việt Nam trong thế kỉ XVII

Trong thế kỉ XVII, các giáo sĩ dòng Tên (Jésuites), tuy chưa đông lắm, nhưng đã có công tìm hiểu và xuất bản tại Châu Âu mấy cuốn sách về lịch sử và văn hoá Việt Nam: *Christofle Borri – Relation de la nouvelle mission des Pères de la Compagnie, de Jésus au Royaume de la Cochinchine* (Tuồng thuật về việc truyền giáo của các linh mục dòng Tên ở Đàng Trong, bản dịch từ tiếng Ý sang tiếng Pháp in tại Lille năm 1631); Alexandre de Rhodes: *Histoire du Royaume de Tunquin* (Lịch sử Đàng Ngoài, bản dịch từ tiếng Latinh sang tiếng Pháp in tại Lyon năm 1651) và *Phép giảng tám ngày* (viết bằng chữ Latinh và bằng chữ quốc ngữ Việt Nam, in tại Roma năm 1651); Joseph Tissanier: *Relation du voyage au Tunquin*, 1658, 1659, 1660 (Tuồng thuật về cuộc hành trình các năm 1658, 1659, 1660 ở Đàng Ngoài, in tại Paris năm 1663) và Marini: *Relation nouvelle et curieuse des royaumes de Tunquin et Lao* (Tuồng thuật mới lạ về Đàng Ngoài và Lào, bản dịch từ tiếng Ý sang tiếng Pháp in tại Paris năm 1666).

Như ai nấy đều nhận ra, trong giai đoạn đầu tiên này, môn học về tôn giáo chưa tách rời khỏi môn dân tộc học nói chung. Trừ cuốn sách của Borri chỉ nói về lịch sử và phong tục tập quán, các sách khác đều dành ra mấy chương để nói về Tam giáo, về nhiều thứ mê tín, sai lầm, và về những lỗi tôn thờ không chính đáng. Vào giữa thế kỉ XVIII, và đây là lần đầu tiên, các giáo sĩ người Ý có ý định

đưa ra một cái nhìn tổng hợp có hệ thống về tôn giáo Việt Nam. Nhưng về sau, không còn mấy ai nghĩ đến việc hệ thống hoá các tài liệu. Vì hai lí do: về phương diện lí thuyết, càng ngày càng thấy nhiều hiện tượng tôn giáo phức tạp, khó xếp thứ tự, cho nên một người như giáo sĩ Pháp Léopold Cadière, đã chú trọng vào việc nghiên cứu chính xác, cụ thể, và viết nhiều pho sách về tôn giáo Việt Nam, nhưng không tốn công vào việc hệ thống hoá có tính cách lí thuyết; về phương diện thực hành, lại càng không cần hệ thống hoá, chỉ cần liệt kê cho giáo dân biết những việc tôn thờ trái đạo cần phải tránh mà thôi.

2.3. Các giáo sĩ người Ý thuộc tu hội Thánh Augustino tại Việt Nam

2.3.1. Tổ chức truyền giáo ở Việt Nam

Vào thế kỉ XVII, tổ chức truyền giáo ở Việt Nam đã có những biến chuyển lớn. Vào nửa đầu thế kỉ này, việc truyền giáo được giao phó cho các giáo sĩ dòng Tên, do nhà vua Bồ Đào Nha bảo trợ. Một phần vì các giáo sĩ muốn đi truyền giáo ở phương xa phải đi nhờ thuyền buôn của người Bồ; một phần khác vì, để tránh cuộc tranh chấp giữa người Bồ Đào Nha và người Tây Ban Nha đang đi tìm thuộc địa, thì Giáo tông Alexandro VI đứng ra hoà giải, kí Hiệp ước Tordesillas (Tây Ban Nha) năm 1593, phân định lĩnh vực ảnh hưởng của hai nước đó trên địa cầu: người Bồ bành trướng về hướng đông, qua Châu Phi, Ấn Độ, cho tới Việt Nam và lục địa Trung Quốc, còn người Tây Ban Nha thì đi về hướng Tây, qua lục địa Châu Mỹ, cho tới Philippin.

Năm 1654, giáo sĩ Alexandre de Rhodes dâng sớ về Roma lên Giáo tông Innocente X, xin thành lập hàng giáo sĩ Việt Nam. Ông viện ra lí do sau đây: cộng

đồng giáo dân Việt Nam càng ngày càng đông, cho nên cần phải có nhiều linh mục và giám mục để giáo hoá và hướng dẫn cho họ; thế nhưng, các nước Châu Âu không thể gửi sang đó số linh mục cần phải có, mặt khác, nếu có thể gửi được, thì chính quyền địa phương cũng không cho người ngoại quốc vào nước mình nhiều như thế, vì sợ người ngoại quốc thừa dịp lấy mất nước mình. Nếu cho rằng, người bản xứ theo đạo chưa được lâu cho nên niềm tin chưa vững, và vì thế, chưa thể làm giáo sĩ để hướng dẫn giáo dân, thì de Rhodes bác bỏ lí luận đó, viện lẽ đã có người Việt chịu bắt bớ, tra tấn và bị tử hình vì niềm tin của họ⁽⁸⁾. Thoạt đầu, Giáo tông không chịu chấp nhận, nhưng sau khi nghe de Rhodes giải thích thì năm 1658 ngài quyết định cử hai linh mục người Pháp là François Pallu và Pierre Lambert de la Motte, làm giám mục đại diện Giáo tông toà ở Việt Nam (Đàng Ngoài và Đàng Trong). Và cũng trong dịp đó, Hội Thừa sai nước ngoài tại Paris được thành lập.

Quyết định đó rất quan trọng trong lịch sử truyền giáo, không phải vì có âm mưu dùng giáo sĩ mở đường cho thực dân, mà ngược lại, vì có ý tránh không cho thực dân lợi dụng tôn giáo. Thực vậy, khi kí kết Hoà ước Tordesillas, phân định khu vực ảnh hưởng của hai nước Bồ Đào Nha và Tây Ban Nha, Giáo tông cũng phớt lờ cho vua hai nước đó bốn phận phải phò trợ cho việc truyền giáo, và cho các vị ấy quyền lựa chọn các giám mục. Nhưng Giáo tông toà đã sớm nhận ra là mình tính lầm: vì vua hai nước kia tuy thực sự có phò trợ cho việc truyền giáo, nhưng lại tuyển dụng và đồng hoá người bản xứ thành ra người nói tiếng Bồ Đào Nha và tiếng Tây Ban Nha. Khi thấy cần phải thay đổi đường lối truyền giáo, Giáo tông

toà nghĩ rằng dùng giáo sĩ người Pháp là thượng sách, vì vào thời đó, nước Pháp chưa đi mở thuộc địa và cũng chưa có quyền lợi thương mại ở Châu Á. Vì thế, các giáo sĩ không có ý định đồng hoá người theo đạo, mà chỉ là hội nhập văn hoá.

Nhận ra ý định đó, hai nước Bồ Đào Nha và Tây Ban Nha đã làm khó dễ cho hai vị tân giám mục đại diện cho Giáo tông toà, ví dụ như François Pallu đã bị Bồ Đào Nha bắt giam. Trong số các giáo sĩ trước đây do Bồ Đào Nha cử sang Việt Nam cũng có một số người không chịu công nhận quyền của hai giám mục do Giáo tông toà cử sang và gây ra nhiều rắc rối. Nhưng rồi đường lối mới cũng dần dần ổn định. Từ nửa sau thế kỉ XVII, các giáo sĩ người Pháp của Hội Thừa sai nước ngoài tại Paris đều ý thức rằng họ làm việc cho Giáo hội Công giáo, chứ không làm việc cho vua nước Pháp, cho văn hoá Pháp. Tiên đề cho việc truyền giáo là tiền lệ quyền của giáo dân, chứ không phải là tiền lệ của vua nước Pháp. Và khi làm tự vị tiếng Việt (Nôm và quốc ngữ) thì hai vị giám mục người Pháp là Pigneaux de Béhaine (Bá Đa Lộc) và Taberd đã dịch ra tiếng Latinh, là ngôn ngữ dùng trong Giáo hội Công giáo, chứ không dịch ra tiếng Pháp⁽⁹⁾. Người Công giáo Việt Nam đã được giảng dạy bằng tiếng Việt, sách đạo bằng chữ Nôm đã thông dụng từ nửa đầu thế kỉ XVII cho đến khoảng giữa thế kỉ XX, trong lúc

8. Xem số đó trong sách của Henri Chapoulie. *Aux origines d'une Eglise. Rome et les missions d'Indochine au XVIIe siècle* (Nguồn gốc một giáo hội. Giáo tông toà Roma và các xứ truyền giáo tại Đông Dương trong thế kỉ XVII). Paris 1943. Tập I. Phần Tài liệu, số 4, tr.391.

9. Nên chú ý là Alexandre de Rhodes là người nói tiếng Pháp, nhưng khi làm tự vị tiếng Việt thì đã dịch ra tiếng Latinh và tiếng Bồ Đào Nha.

sách vở của Tam giáo vẫn dùng chữ Hán. Vì nguyên tắc đó cho nên người Việt Nam theo đạo Thiên Chúa đã không trở thành người nói tiếng Bồ hay tiếng Pháp, mãi cho đến khi nước Pháp đem quân viễn chinh can thiệp vào Việt Nam mới có thay đổi, nhưng là thay đổi chung cho cả nước, chứ không phải thay đổi riêng cho người Công giáo.

Năm 1659, Việt Nam chia cắt thành hai, nam bắc phân tranh. Địa phận Đàng Ngoài thì Giáo tông toà giao cho Giám mục Pallu (1626-1684), Địa phận Đàng Trong thì giao cho Giám mục Lambert de la Motte (1624-1679). Đến năm 1679, Địa phận Đàng Ngoài lại chia làm hai miền Đông, Tây, dọc theo sông Hồng, cả hai miền đều do hai giám mục người Pháp thuộc Hội Thừa sai nước ngoài tại Paris phụ trách: Jacques de Bourges (1630-1714) coi miền Tây và François Deydier (1634-1693) coi miền Đông. Năm 1693, sau khi Deydier tạ thế thì Giáo tông toà giao Địa phận Đông Đàng Ngoài cho các giáo sĩ người Tây Ban Nha thuộc tu hội Thánh Đa Minh.

Các giáo sĩ người Ý thuộc tu hội Thánh Augustino sang làm việc ở Việt Nam vào lúc tổ chức truyền giáo đã ổn định. Họ làm việc ở Địa phận Đông Đàng Ngoài trong địa hạt của tu hội Thánh Đa Minh. Cũng như các giáo sĩ thuộc tu hội Thánh Đa Minh, họ không còn phụ thuộc vào vua nước họ, mà phụ thuộc vào Giáo tông toà Roma.

Các giáo sĩ người Ý này tất cả chỉ có 13 người và họ chỉ ở Việt Nam 60 năm (1701-1761). Họ được giao phụ trách một miền nhỏ xung quanh làng Kẻ Sặt thuộc Hải Dương. Trong số họ, có hai, ba người có học thức uyên thâm. Một người được chọn làm giám mục, đó là Ilario Costa di

Gesù (1694-1754), tức là giám mục thứ năm coi sóc Địa phận Đông Đàng Ngoài, từ năm 1737 đến năm 1754. Năm 1749, Đức thầy⁽¹⁰⁾ Ilario chọn một giáo sĩ người Ý cùng trong tu hội của mình là Adriano a Sancta Thecla (1667-1765) làm “cha chính địa phận” (vicaire général), tức là người cộng tác chặt chẽ nhất với mình. Nhưng các giáo sĩ người Tây Ban Nha vận động để họ được độc quyền phụ trách tất cả Địa phận Đông Đàng Ngoài. Và họ đã thành công. Vì thế năm 1761, Giáo tông toà ra lệnh cho các giáo sĩ người Ý phải ra khỏi địa phận đó. Chỉ có Adriano lúc đó đã 94 tuổi, không muốn bỏ nơi ông và các bạn trong tu hội đã làm việc trong 60 năm, và ông mất tại Việt Nam năm 1765.

2.3.2. Hoạt động trí thức của các giáo sĩ thuộc tu hội Thánh Augustino

Đức thầy Ilario và Thầy Adriano là hai người xuất sắc nhất trong tu hội ở Việt Nam trong thế kỉ XVIII⁽¹¹⁾. Đây là mấy câu Giám mục Louis Néez, phụ trách Địa phận Tây Đàng Ngoài (1739-1764) viết về Ilario: “Đức thầy có cái tài viết văn rất lạ lùng. Nhờ ngài mà Giáo hội Đàng Ngoài có khá nhiều sách. Các sách đó ngài đã viết cho các giáo sĩ trong tu hội của ngài và còn viết cho giáo dân trong địa phận của ngài”⁽¹²⁾. Thực thế, trong 31 năm làm việc ở Việt Nam, Đức thầy Ilario đã viết 4 cuốn sách bằng tiếng Latinh và 14 cuốn sách đạo khác bằng tiếng Việt, trong số

10. Người Công giáo Việt Nam trước đây gọi giám mục là “đức thầy”, và gọi linh mục là “thầy cả”.

11. Xem: André Marillier. *Nos Pères dans la loi – Notes sur le clergé catholique du Tonkin de 1666 à 1765* (Những bậc tiền bối của đức tin chúng ta – Ghi chú về hàng giáo sĩ Công giáo tại Đàng Ngoài từ năm 1666 đến năm 1765). Eglises d’Asie. Ngành Lịch sử, số 2, 1995, tập 2, trang 121-127. Cũng xem trong sách của Adriano do Olga Dror phiên dịch và chú giải (đã dẫn trên đây), tr.24.

12. Xem: André Marillier. *Sđđ*, tr.124.

đó có phê bình Phật giáo trong sách *Dị đoan chi giáo*. Riêng giáo sĩ Adriano thì đã viết *Niên biểu về Trung Hoa và về xứ Đàng Ngoài*, cuốn *Tiểu luận văn* (1750) mà ta đã giới thiệu trên đây và cuốn *Tiểu sử Đức thầy Ilario a Jesu, Giám mục toà Coricée* (1756).

Trong phạm vi bài này, ta chỉ chú ý đến môn dân tộc học về tôn giáo mà thôi. Về môn này, trước hết phải nói đến cuốn *Tiểu luận văn về các tôn giáo ở Trung Quốc và ở Việt Nam Đàng Ngoài* của giáo sĩ Adriano⁽¹³⁾, mà Olga Dror đã phiên dịch và chú giải bằng Anh văn. Trong Phần Dẫn nhập, Adriano có nói đến các tài liệu ông sử dụng: ngoài những điều ông biết được do quan sát trong kinh nghiệm thường nhật, ông còn nói đến vô số tài liệu do các giáo sĩ khác cho ông biết, trong số đó có giáo sĩ Francisco Gil de Federich là người Tây Ban Nha thuộc tu hội Thánh Đa Minh (vị này đã chịu chết vì đạo năm 1745)⁽¹⁴⁾, giáo sĩ Wenceslas Paleczek người nước Bohemia (nay là Cộng hoà Séc) cai quản các giáo sĩ dòng Tên ở Đàng Ngoài, và nhất là trong sách *Dị đoan chi giáo* và sách *Index historicus* (Mục lục về lịch sử) của Đức thầy Ilario cùng các sách sử Việt Nam, kinh điển của Trung Hoa.

Song song với cuốn *Tiểu luận văn*, dĩ nhiên phải kể đến cuốn sách *Tam giáo chư vọng*⁽¹⁵⁾. Cuốn sách này là sách viết tay, khổ nhỏ (10x15cm), không đề viết ngày tháng năm nào. Nhưng trong trang 29 có câu: “Năm này là Nhâm Thân Cảnh Hưng thập tam niên”, như thế là sách được viết vào năm 1752, nghĩa là đồng thời với *Tiểu luận văn* của Adriano. Tác giả không xưng tên, nhưng tự giới thiệu ở trang I như sau: “Ta là người ở phương thái Tây trong nước Italia đã sang bên phương Đông này giảng giải đạo Thánh Đức Chúa Trời cho kẻ ở nước Annam

này...”. Chúng ta có thể tin được rằng tác giả là một giáo sĩ người Ý, thông thạo tiếng Việt. Nhưng tác giả là ai? Ngoài Adriano và Ilario là hai người viết được nhiều sách và hiểu biết vấn đề thì có lẽ không còn ai nữa. Mặt khác, khi viết cuốn *Tiểu sử Đức thầy Ilario* và kê khai các sách ngài đã viết thì Adriano không nhắc đến *Tam giáo chư vọng*. Sách tuy có cách dàn bài và theo một thể văn khác cuốn *Tiểu luận văn* (bằng tiếng Latinh), nhưng nội dung lại rất giống nhau. Phải chăng đó cũng là của Adriano viết? Tôi trộm nghĩ là không phải thế, vì: một là, Adriano là người cộng tác chặt chẽ với Đức thầy Ilario, lại lấy tài liệu của Ilario; hai là, vì Adriano quen viết bằng tiếng Latinh và tiếng Ý và viết cho các giáo sĩ phương Tây, chứ không thông thạo tiếng Việt như Ilario, đã viết sách để giảng dạy cho người Việt. Cho nên nếu ta coi đó là sách của Ilario viết, thì thiết tưởng cũng không đến nỗi quá sai lầm. Việc Adriano không kí tên vào sách này và cũng không nói đến nó trong các tác phẩm của Ilario, có lẽ là vì khi ông làm sổ các sách vào năm 1756, hai năm sau khi Ilario tạ thế, thì bản chính đã thất lạc, chỉ còn bản sao do Giám mục Néez còn giữ được và đã gửi về tàng trữ ở văn khố Hội Thừa sai nước ngoài tại Paris, cũng như trường hợp cuốn *Tiểu luận văn* của chính Adriano. Chắc một điều là cả *Tiểu luận văn* lẫn *Tam giáo chư vọng*, đều được viết bởi các giáo sĩ người Ý thuộc dòng tu hội Thánh Augustino lúc đó ở dưới quyền của Giám mục Ilario.

(Còn nữa)

13. Văn khố hội Thừa sai nước ngoài tại Paris (AMEP), số hiệu 667.

14. Sự kiện này cho ta thấy rằng giữa hai tu hội Thánh Đa Minh và Thánh Augustino không phải lúc nào cũng có sự tranh chấp.

15. AMEP, số hiệu V-1098.